**PHỤ LỤC I**

THÔNG BÁO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 84 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn.

Mã số doanh nghiệp: 3000100137

Địa chỉ liên lạc: Khối 4 - Thị trấn Tây Sơn - Hương Sơn - Hà Tĩnh

Điện thoại : 02393.876.211 Email:ctylndvhs @gmail.com

Sau đây chứng nhận: Ông Lê Tiến Cát.

Điện thoại liên hệ: 0915.050.982; Email: letiencat@gmail.com

Chức vụ tại doanh nghiệp: Thành viên HĐTV kiêm P.Giám đốc.

Là người được Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn ủy quyền làm “Người công bố thông tin” của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  **THÀNH VIÊN**  **Phạm Nguyễn Bính** |

**PHỤ LỤC II**

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
 *(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số 85 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn.

Mã số doanh nghiệp: 3000100137

Địa chỉ liên lạc: Khối 4 - Thị trấn Tây Sơn - Hương Sơn - Hà Tĩnh.

Sau đây chứng nhận: Ông Nguyễn Văn An

Điện thoại liên hệ: 0912.743.374; Email: anvan1959@gmail.com

Chức vụ tại doanh nghiệp: Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

Là người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC III**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
 05 NĂM CỦA DOANH NGHIỆP** *(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 86 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

*(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tại văn bản số 1912/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016)*

**I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP**

**1. Những sự kiện quan trọng**

a) Việc thành lập

Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn là Doanh nghiệp Nhà nước Hạng I (tiền thân là Quốc doanh Lâm Khẩn Hà Tĩnh, sau đổi là Lâm trường Quốc doanh Hương Sơn), được thành lập từ ngày 10 tháng 3 năm 1955, thuộc Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Năm 1986 được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) phê duyệt Luận chứng Kinh tế - Kỹ thuật cho Lâm trường, tại Quyết định số 313/CT ngày 10/12/1986, với nhiệm vụ chính là bảo vệ, nuôi dưỡng, xây dựng phát triển rừng, khai thác chế biến Lâm sản, sản xuất Lâm - Nông kết hợp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1993 được Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 388/NĐ-CP trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh quản lý.

Ngày 09 tháng 5 năm 1998, Lâm trường Hương Sơn được đổi thành Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn nhằm phù hợp với cơ chế thị trường và mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, tại Quyết định 504 QĐ/UB của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện Quyết định số 544/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên, công ty tiến hành thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức của công ty. Ngày 22 tháng 4 năm 2009 công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2804000114 do Ban quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo cấp.

b) Vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ theo phê duyệt: 30.000 triệu đồng

- Vốn chủ sở hữu hiện có: 27.473 triệu đồng

c) Các sự kiện khác.

Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Phê duyệt Đề án Sắp xếp, đổi mới và Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn:*“Duy trì, cũng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty TNHH MTV nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích”.*

**2. Quá trình phát triển**

a) Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

***\* Chức năng:*** Quản lý, bảo vệ phát triển rừng, sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn. Giải quyết việc làm, quyền lợi người lao động, ngoài lợi ích KT-XH, an ninh quốc phòng còn tạo lợi ích môi trường sinh thái.

***\* Nhiệm vụ:***

- Nhiệm vụ công ích:

+ Quản lý, bảo vệ và đầu tư phát triển rừng theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước.

+ Cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Xây dựng các công trình Bảo vệ rừng - PCCR, phát triển KTXH khu vực biên giới gắn với quốc phòng an ninh.

- Ngành nghề Sản xuất kinh doanh (Theo luật):

+ Khai thác, Chế biến kinh doanh nông, lâm sản.

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

+ Sản xuất nông, lâm kết hợp như Rừng, vườn, ao, chuồng (RVAC): chăn nuôi lợn, bò... kết hợp trồng cây ăn quả: Bưởi, cam, chanh.. và trồng cây dược liệu dưới tán rừng: Gừng, gấc, đinh lăng ...

+ Điều tra, thiết kế các công trình lâm sinh.

+ Sản xuất kinh doanh giống, cây con.

b) Mục tiêu kinh doanh

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất: quản lý, bảo vệ phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn được giao một cách có hiệu quả.

- Ứng dụng các khoa học công nghệ vào sản xuất (Công nghệ chế biến...).

- Tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động; góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

c) Ngành, nghề kinh doanh chính

+ Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

+ Khai thác, Chế biến nông, lâm sản.

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

+ Sản xuất nông, lâm kết hợp với trang trại chăn nuôi.

+ Điều tra, thiết kế các công trình lâm sinh.

+ Sản xuất kinh doanh giống, cây con.

**3. Định hướng phát triển**

a) Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 97%, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi... Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuổi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

b) Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Quản lý bảo vệ tốt trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý.

- Duy trì sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm.

- Trồng rừng.

- Trang trại chăn nuôi lợn nái.

- Trồng cây dược liệu.

- Trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt.

- Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản.

- Đầu tư xây dựng nhà máy ván ghép thanh và nhà máy chế biến ván bóc.

**II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Mục tiêu tổng quát**

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất: quản lý, bảo vệ phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn được giao một cách có hiệu quả.

- Ứng dụng các khoa học công nghệ vào sản xuất (Công nghệ chế biến...).

- Tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động; góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Quản lý, bảo vệ phát triển rừng, sản xuất nông lâm kết hợp trên toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty được giao quản lý sử dụng: 19.747,77 ha.

- Doanh thu đạt khoảng 90 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 4 - 5 tỷ đồng.

- Lợi nhuận: 2 - 3 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn điều lệ đạt 53,1 tỷ đồng.

- Thu nhập BQ của người lao động đạt 5 - 6 triệu đồng/người/tháng.

- Giải quyết việc làm cho 225 lao động của Công ty và hơn 100 lao động địa phương nhận khoán.

- Kiểm soát chặt chẽ, đổi mới phương thức quản lý nhằm ngăn chặn tình trạng rừng khai thác trái phép.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 97%, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo sản xuất kinh doanh bền vững.

**3. Kế hoạch triển khai**

\* Về nhiệm vụ công ích:

- Đo đạc cắm mốc ranh giới, xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2017.

- Xây dựng phương án quản lý bảo vệ rừng hàng năm, tăng cường tuần tra kiểm soát, thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng rừng giống hoàn thành kế hoạch năm.

- Khoanh nuôi rừng: năm 2016 là 1063,9ha; 2017: 2.497,6 ha; 2018 đến 2020 là 1.433,7ha/năm.

- Nuôi dưỡng rừng: kế hoạch triển khai năm 2016 là 158,2ha; năm 2017 là 117,3ha; năm 2018 là 196,3ha; năm 2019 là 162,7ha; năm 2020 là 148,38ha.

- Trồng rừng, cải tạo rừng và trồng rừng cây gỗ lớn: năm 2018 là 110,9ha; năm 2019 là 169,5ha; năm 2020 là 138,7ha.

\* Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý sử dụng và được hội đồng quản trị rừng quốc tế cấp chứng chỉ rừng hoàn thành xong trong năm 2016.

- Tiếp tục duy trì tổ chức sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm.

- Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái có quy mô 450 con, diện tích 50.501 m2 với tổng vốn khoảng 17 tỷ đồng; hình thức đầu tư: công ty vay vốn đầu tư sản xuất. Tiến hành đưa vào hoạt động sản xuất quý II/2016.

- Xây dựng phát triển kinh tế trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt, diện tích 30 ha với tổng số vốn đầu tư khoảng 8,8 tỷ đồng; Vay vốn đầu tư sản xuất.

- Trồng cây dược liệu với diện tích khoảng 30 ha trên phần diện tích đất chưa có rừng, đất bồi tụ ven suối... nhu cầu vốn 4,9 tỷ đồng, hình thức công ty vay vốn đầu tư.

- Trồng rừng nguyên liệu, cây phân tán trên đất quy hoạch sản xuất 278,3 ha; nhu cầu vốn 6,2 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến ván bóc và nhà máy ván ghép thanh với tổng vốn đầu tư khoảng 21 tỷ đồng; hình thức đầu tư góp vốn liên doanh.

**4. Các giải pháp thực hiện**

**4.1. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng**

Căn cứ nhu cầu, dự toán đầu tư các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, trên cơ sở định mức kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước, công ty xác định nhu cầu vốn cho cả giai đoạn như sau:

\* Tổng nhu cầu vốn để thực hiện: 157.928 triệu đồng trong đó vốn điều lệ đã có 27.473 triệu đồng; nhu cầu vốn còn thiếu 130.455 triệu đồng.

- Vốn điều lệ: Đề nghị bổ sung vốn điều lệ theo nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 là 25.654 triệu đồng.

- Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích (Từ nguồn dịch vụ môi trường rừng và các nguồn dịch vụ công ích khác): 65.950 triệu đồng .

- Kinh phí cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đề nghị Nhà nước cấp dự kiến 197 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng: 13.000 triệu đồng

- Đầu tư và tín dụng đầu tư phát triển: Vay ngân hàng và liên doanh liên kết: 24.981 triệu đồng.

- Xử lý tài chính đối với công trình kết cấu hạ tầng, tài sản trên đất khi bàn giao đất: Đúng theo quy định Nhà nước.

- Xử lý công nợ: Số nợ khó đòi là 1.173 triệu đồng, trong đó đề nghị giảm vốn Nhà nước là 673 triệu đồng (Do số nợ lớn trên 5 năm đã đòi nhiều lần nhưng không thu hồi được chiếm 9% trên tổng số nợ phải thu).

- Trích lập dự phòng rủi do:

+) Trích lập rủi ro giảm giá hàng tồn kho theo quy định nhà nước.

+) Trích lập nợ phải thu khó đòi: 500 triệu đồng/5 năm.

**4.2. Giải pháp về đất đai**

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất và rừng được Nhà nước cho thuê và giao quản lý. Căn cứ đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương đo đạc, cắm mốc ranh giới toàn bộ diện tích và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**4.3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng**

Trên cơ sở số liệu quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành rà soát lại ranh giới, mốc quản lý, thiết lập phân vùng giá trị chức năng sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và ổn định lâu dài trên diện tích 17.422 ha.

4.***3.2. Giải pháp quản lý sử dụng rừng thuộc nguồn vốn công ích.***

*4.3.2.1. Quản lý bảo vệ rừng* thuộc nguồn Bảo vệ phát triển rừng phòng hộ và nguồn hỗ trợ theo Quyết định 2242/2014/QĐ-TTG ngày11/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý, khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020:

- Biện pháp bảo vệ rừng chống chặt phá xâm lấn rừng:

+ Giao địa bàn cụ thể cho từng trạm quản lý bảo vệ rừng. Tổ chức các mạng lưới kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời các vụ việc xẩy ra.

+ Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty với chính quyền địa phương, lực lượng bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn;

+ Thực hiện chính sách giao khoán bảo vệ phát triển rừng với diện tích 333,87 ha cho 11 hộ gia đình là cán bộ công nhân viên công ty đã nghỉ hưu, hình thức giao khoán theo nghị định 01 (chu kỳ khoán là 25 năm), quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên được thực hiện theo Quyết định 178/2002/QĐ-TTG ;

Việc công ty không trả về cho địa phương vì đây là vùng đệm có liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ rừng vùng lõi. Việc hợp đồng với các hộ sẽ tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng từ nhiều phía nên đây là diện tích mang tính chiến lược, quan trọng trong công tác quản lý bảo vệ rừng của Công ty đối với các lâm phần liền kề.

+ Tổ chức các trạm gác cửa rừng ở những nơi xung yếu.

*4.3.2.2. Xây dựng rừng giống:*

- Tổng diện tích: 100 ha, nhu cầu vốn 1.620 triệu đồng (100 ha x3 năm x 540 triệu đồng/năm).

- Biện pháp kỹ thuật:

+ Phát bỏ thực bì, dây leo, cây bụi trên toàn bộ diện tích. Phương pháp: Thủ công, dùng dao rựa phát sát gốc thực bì, dây leo, cây bụi. Trong quá trình luỗng phát không làm ảnh hưởng đến cây tái sinh. Phát dọn và băm dập cành nhánh sau chặt tỉa thưa. Thời gian: tháng 12 trong năm.

+ Lập bảng quy ước bảo vệ rừng giống vị trí tại các bìa rừng, nơi xung yếu có nhiều người qua lại.

+ Lập tổ quản lý, bảo vệ rừng giống với nhiệm vụ tuần tra bảo vệ chống sự thâm nhập, phá hoại của người và gia súc; theo dõi quá trình ra hoa, kết quả, dự báo sản lượng hàng năm. Theo dõi tình hình dịch bệnh và tiến hành lập kế hoạch phòng trừ kịp thời.

+ Đóng mốc ranh giữa các lô rừng giống, tổng số mốc đóng trong năm 2013 là 40 mốc. Mốc có kích thước của mốc cấp 2: 15cm x 15 cm x 100 cm làm bằng vật liệu bê tông cốt thép.

+ Xây dựng 01 bảng quy ước bảo vệ bằng bê tông cốt thép, kích thước 1,2m x 1,5m x 5cm, có 2 cọc trụ làm bằng bê tông cốt thép.

*4.3.2.3. khoanh nuôi rừng:* Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng là giải pháp kinh tế nhất trong việc xây dựng phát triển rừng, đặc biệt là những nơi cao xa, vùng đất dốc, địa hình chia cắt, khó khăn cho việc trồng rừng. Đối tượng là đất trống có gỗ rải rác phân bố ở những nơi cao và xa khó tiếp cận.

- Tổng diện tích: 298 ha; Nhu cầu vốn 298 triệu đồng (298 ha x 200 nghìn đồng/ha/năm x 5 năm);

- Kỹ thuật cơ bản trong khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: Xây dựng hồ sơ thiết kế theo quy trình kỹ thuật cho từng lô, khoảnh, tiểu khu. Trong thời gian khoanh nuôi cần áp dụng biện pháp xúc tiến tái sinh như phát luỗng dây leo, chặt tỉa cây sâu bệnh, kết hợp trồng bổ sung. Tổ chức bảo vệ, cấm chặt phá của con người, ngăn chặn chăn thả gia súc bừa bãi, ngăn chặn lửa rừng;

- Chất lượng rừng sau khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nâng cao độ che phủ của rừng, ổn định hệ sinh thái rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng.

*4.3.2.4. Nuôi dưỡng rừng:* Là giải pháp thúc đẩy sinh trưởng và phát triển rừng trồng sau chăm sóc.

Tổng diện tích: 782,84 ha; Nhu cầu vốn: 2.270 triệu đồng. Trên toàn bộ diện tích rừng sau khai thác chọn giai đoạn 2010-2015.

Kỹ thuật cơ bản trong nuôi dưỡng rừng: Xây dựng hồ sơ thiết kế theo quy trình kỹ thuật cho từng lô, khoảnh, tiểu khu. Trong thời gian nuôi dưỡng cần áp dụng biện pháp phát luỗng dây leo, chặt tỉa thưa rừng trồng, chặt tỉa cây sâu bệnh. Tổ chức bảo vệ, cấm chặt phá của con người, ngăn chặn chăn thả gia súc bừa bãi, ngăn chặn lửa rừng;

*4.3.2.5. Trồng rừng*: Đối tượng đất chưa có rừng, rừng trồng đã khai thác với tổng diện tích 338,95 ha; nhu cầu vốn 8.828 triệu đồng.

*4.3.2.6. Cải tạo rừng, trồng rừng cây gỗ lớn:*

3.2.6.1. Xây dựng báo cáo điều tra hiện trạng đề nghị cải tạo rừng:

- Tổng diện tích: 768 ha; Nhu cầu vốn: 346 triệu đồng (768 ha x 450 nghìn đồng/ha).

3.2.6.2. Cải tạo rừng, trồng rừng gỗ lớn: là biện pháp kỹ thuật nhằm thay thế rừng tự nhiên nghèo kiệt không còn khả năng phục hồi để trồng lại rừng bằng các loài cây gỗ lớn có giá trị cao hơn.

- Tổng diện tích: 768 ha; Nhu cầu vốn 31.764 triệu đồng (768 ha x 41.360 nghìn đồng/ha/6 năm).

Đối với diện tích rừng tự nhiên 768 ha công ty xin để lại phần giao đất không thu tiền sử dụng đất, khi nào có mục đích chuyển đổi phục vụ cho sản xuất kinh doanh công ty sẽ làm thủ tục thuê đất theo đúng hồ sơ pháp lý nhà nước.

***4.3.3 Giải pháp quản lý sử dụng rừng thuộc nguồn vốn SXKD.***

Xây dựng lại phương án quản lý rừng bền vững trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý sử dụng và trình hội đồng quản trị rừng quốc tế xin cấp chứng chỉ rừng:

- Tổng diện tích: 19.747,77 ha; nhu cầu vốn 1.481 triệu đồng (19.747,77 ha x 75 nghìn đồng/ha;

**4.4. Giải pháp về đầu tư sản xuất các ngành nghề khác**

***4.4.1. Giải pháp về nông lâm kết hợp và ngành nghề khác.***

Để tận dụng hiệu quả tài nguyền rừng, ngoài các ngành nghề truyền thống Công ty kết hợp mở ra các mô hình nông lâm kết hợp như: Trang trại chăn nuôi lợn nái 100% máu ngoại, trang trại chăn nuôi bò nái lai, Trồng cây dược liệu dưới tán rừng...

*1). Trang trại chăn nuôi lợn nái.*

Xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung có quy mô 450 con lợn nái với diện tích 50.501 m2.

- Thị trường tiêu thụ: Hợp tác với huyện Hương Sơn cung cấp con giống cho các hộ nuôi vừa và nhỏ trên địa bàn toàn huyện và các vùng lân cận.

*2). Trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt.*

Xây dựng phát triển kinh tế trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt (tập trung và thâm canh) có diện tích 30 ha tại khoảnh 3; 5 tiểu khu 50 - phân trường Rào mắc. Hình thức tổ chức: Tổ chức sản xuất.

*3). Trồng cây dược liệu.*

Là giải pháp nhằm sử dụng tối đa phần diện tích đất chưa có rừng, đất phù sa cổ, đất xung tích bồi tụ ven suối để sản xuất nông lâm kết hợp và trồng cây dược liệu nhằm tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động như cây Gừng, cây Gấc…..

Tổng diện tích: 30 ha; nhu cầu vốn: 4.900 triệu đồng, doanh thu hàng năm khoảng 3 tỷ đồng, nộp ngân sách 287 triệu đồng, đem lại lơi nhuận 75 triệu đồng, thu nhập bình quân 5,5 trệu đồng/người/tháng và giải quyết gần 100 lao động địa phương (người dân sống ven rừng).

*4). Sản xuất gạch Tuynel.*

Duy trì tổ chức sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm, doanh thu 15 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 300 triệu đồng, giải quyết trên 100 lao động thường xuyên. Bình quân thu nhập 5,5 triệu đồng/người/tháng.

***4.4.2. Giải pháp về chế biến***

Tổ chức liên doanh sản xuất với doanh nghiệp trên địa bàn để đầu tư đẩy mạnh sản xuất, xem đây là đẩy mạnh đột phá trong SXKD của Công ty. Đầu tư mở mang nhà xưởng, lắp đặt công nghệ, thiết bị chế biến hiện đại để nâng công suất chế biến. Sản phẩm chủ yếu gồm ván ghép thanh, ván ép, đồ gỗ cao cấp đạt tiêu chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. nguồn nguyên liệu chủ yếu là sản phẩm từ cải tạo rừng, gỗ từ rừng trồng thu mua trên địa bàn và gỗ nhập khẩu từ Lào hoặc các nguồn khác.

**4.5. Giải pháp về lao động**

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Sử dụng lao động hợp đồng không xác định thời hạn hiện có của Công ty và sử dụng lao động các địa phương sống ven rừng.

- Bố trí sắp xếp nhân lực tại các phòng ban và các đơn vị trực thuộc một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Sàng lọc lại đội ngũ cán bộ cốt cán có trình độ, năng lực trách nhiệm tâm huyết với doanh nghiệp thì bố trí sử dụng. Số cán bộ, năng lực thấp, sức khỏe yếu đủ tuổi hưởng chế độ thì đề nghị giải quyết cho hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

+ Một số bộ phận cán bộ chưa qua đào tạo hoặc đã được đào tạo, năng lực còn hạn chế sẽ luân chuyển, bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp với yêu cầu sản xuất. Bên cạnh đó có chiến lược đào tạo thêm về chuyên môn như: Gửi đi đào tạo vào các trường tại chức, tham dự các lớp tập huấn theo quy định để nâng cao trình độ, nâng cao năng lực lãnh đạo, đồng thời cập nhập những thông tin quản lý, nghiệp vụ, nghề nghiệp, nhất là hiện nay các văn bản qui định mới được ban hành...

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao kỷ luật kỷ cương. Hàng năm có chế độ khen thưởng, đãi ngộ đối với những cán bộ công nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Tạo động lực để khuyến khích người lao động làm việc tích cực, cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- Đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động: Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, lớp thi tay nghề cho người lao động. Tùy thuộc vào thời điểm xây dựng các dự án sản xuất cụ thể công ty sẽ gửi một số lao động đi đào tạo đảm bảo tay nghề cao và tuyển dụng thêm lao động có chất lượng phù hợp ngành nghề sản xuất đáp ứng yêu cầu của công việc.

**4.6. Giải pháp về khoa học và công nghệ**

**-** Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất,chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống; công nghệ chế biến sâu, các sản phẩm có nguồn gốc từ nguyên liệu rừng trồng, gỗ nhỏ và phi gỗ;

- Nghiên cứu để quản lý và phát triển các cây lâm sản ngoài gỗ mà người dân thường sử dụng cho sinh kế, các loại cây dược liệu quý.

- Nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ GIS phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng bền vững một cách hiệu quả.

- Đầu tư các giải pháp công nghệ để tạo ra các giống có năng suất cao, thu thập và khảo nghiệm để xây dựng tập đoàn cây chủ lực trong trồng rừng kinh tế, có đặc tính phù hợp với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất, thực hiện công tác khuyến lâm giúp nhân dân trong vùng phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững.

**4.7. Giải pháp về thị trường**

- Không ngừng đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, ổn định lâu dài.

- Tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước .

- Xây dựng thương hiệu các mặt hàng do Công ty sản xuất, tổ chức ma két tinh.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC trên toàn bộ diện tích rừng được giao.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC IV**

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

NĂM 2016  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 87 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

*(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 đã được Hội đồng thành viên phê duyệt tại Văn bản số 68/HĐTV-HƯƠNG SƠN ngày 20 tháng 11 năm 2015)*

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC**

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước:

Sau khi có chủ trương đóng cửa rừng không cho khai thác gỗ rừng tự nhiện của Chính phủ thì đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích được giao.

Sản xuất kinh doanh công ty duy trì sản xuất gạch tuynel và một số ngành nghề dịch vụ khác cụ thể các chỉ tiêu đạt được như sau:

- Nguồn vốn được bảo toàn và không ngừng phát triển.

- Doanh thu: 18.568 triệu đồng.

- Lợi nhuận: 373 triệu đồng.

- Nộp ngân sách: 1.125 triệu đồng.

- Đảm bảo các chế độ cho người lao động.

**II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016**

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Công ty thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch nhà nước giao, bảo vệ 19.747,7ha rừng, ngoài ra do không được phép khai thác gỗ từ rừng tự nhiên nên công ty duy trì sản xuất gạch tuynel khoảng 13 triệu viên/năm/quy chuẩn.

- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:

+). Bảo toàn vốn nhà nước: 27.400 triệu đồng.

+). Nộp ngân sách: 903 triệu đồng.

+). Lợi nhuận: 100 triệu đồng.

- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm: Tăng cường công tác tiếp thị sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

**2. Kế hoạch đầu tư phát triển.**

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm:

+). Hoàn thành phương án quản lý rừng bền vững năm 2016 được quốc tế công nhận.

+). Triển khai xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái tại khu vực rào mắc.

- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 18.743 triệu đồng.

**III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Giải pháp về tài chính:

+) Nguồn vốn ngân sách nhà nước giao.

+) Nguồn vốn vay từ ngân hàng đầu tư.

2. Giải pháp về sản xuất.

3. Giải pháp về marketing.

Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng thương hiệu các mặt hàng do công ty sản xuất. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường trong nước và nước ngoài nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, ổn định lâu dài.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng phương án sử dụng lao động phù hợp, rà soát sắp xếp lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau sắp xếp chuyển đổi. Thực hiện cơ chế giao khoán phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người lao động nhận khoán góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo mới, đào tạo lại và tuyển dụng lại nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Có chính sách đào tạo đội ngũ kế cận, thu hút giữ chân người tài phục vụ cho mục đích phát triển Công ty.

- Ngoài ra chú trọng sử dụng lao động hợp đồng thời vụ của địa phương trực tiếp tham gia vào sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng, vườn ươm, khoán hộ bảo vệ rừng…

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Lựa chọn công nghệ phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống, công nghệ chế biến sâu…

- Bố trí sử dụng có hiệu quả, chăm lo nâng cao trình độ cho đội ngũ KHKT và công nghệ hiện có, có chính sách thu hút nhân tài vào làm việc tại công ty.

- Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ KHCN và chuyền giao mở rộng sản xuất đến tận các cơ sở, đơn vị.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kế hoạch** |
| 1 | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu |  |  |
|  | - Sản lượng 1 | Ha | 17.961,5 |
|  | - Sản lượng 2 | Triệu viên | 13 |
|  | …………… |  |  |
| 2 | Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (*nếu có*) | Tỷ đồng | 3,6 |
| 3 | Doanh thu | Tỷ đồng | 11 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 100 |
| 5 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 903 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư | Tỷ đồng | 18,7 |
| 7 | Kim ngạch xuất khẩu (*nếu có*) | 1.000 USD |  |
| 8 | Các chỉ tiêu khác |  |  |

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC V**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT   
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 88 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

**Năm báo cáo: Năm 2016**

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Trong năm 2013, 2014, 2015, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ rừng, thực hiện nhiệm vụ công ích, sản xuất gạch tuynel và một số ngành nghề dịch vụ khác.

Doanh thu đạt bình quân: 19,9 tỷ đồng/năm.

Lợi nhuận trước thuế bình quân: 263 triệu đồng/năm.

Nộp ngân sách bình quân: 1,3 tỷ đồng/năm.

Nguồn vốn nhà nước được bảo toàn, đảm bảo được các chế độ, quyền lợi cho người lao động.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Công ty thực hiện các dự án đầu tư phát triển rừng đúng tiến độ, hàng năm được Sở nông nghiệp và PTNT nghiệm thu hoàn thành.

Từng bước tiến hành đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...): Trong năm 2013, 2014, 2015 Công ty không có sự thay đổi lớn, nhiệm vụ chủ yếu vẫn là bảo vệ rừng và sản xuất gạch tuynel.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

*\* Thuận lợi:*

Công ty TNHH một thành viên LN&DV Hương Sơn là một trong những đơn vị dẫn đầu trong toàn ngành Lâm nghiệp, có bề dày truyền thống hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới có đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm. Có tinh thần đoàn kết cao, được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các cấp, các ngành liên quan.

*\* Khó khăn:*

Bên cạnh những thuận lợi thì cũng gặp không nhiều khó khăn:

- Sản xuất kinh doanh lâm nghiệp có chế độ đặc thù riêng chủ yếu hoạt động ở vùng núi, sâu, xa, biên giới, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội hết sức khó khăn, trình độ dân trí thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém.

- Thiếu vốn sản xuất, doanh nghiệp không tự chủ được trong sản xuất.

- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm chưa có Chủ tịch HĐTV.

- Một số chính sách không hợp lý đối với ngành lâm nghiệp đặc thù.

- Một số CBCNV chưa có tinh thần trách nhiệm cao trước những khó khăn chung.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

**BIỂU SỐ 1**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện năm 2014** | **Thực hiện năm 2015** | **Thực hiện năm 2016** | **Ước thực hiện năm 2017** |
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất |  |  |  |  |  |
| a) | Gỗ | m3 | 2.658 |  |  |  |
| b) | Gạch | Triệu viên | 13,9 | 15 | 10,5 | 13 |
| c) | Sản phẩm khác |  |  |  |  |  |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 27,2 | 18,5 | 14 | 15 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 316 | 373 | 104 | 150 |
| 4 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 1.745 | 1.125 | 605 | 598 |
| 5 | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có) | 1000 USD |  |  |  |  |
| 6 | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) | Tỷ đồng |  |  | 2,65 | 4,1 |
| 7 | Kế hoạch đầu tư phát triển | Tỷ đồng |  |  | 12,7 | 4 |
| a) | - Nguồn ngân sách | “ |  |  |  |  |
| b) | - Vốn vay | “ |  |  | 12,2 | 4 |
| c) | - Vốn khác | “ |  |  | 0,5 |  |
| 8 | Tổng lao động | Người | 150 | 147 | 138 | 140 |
| 9 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 7,432 | 8,69 | 7,913 | 8,4 |
| a) | - Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 0,2 | 0,304 | 0,295 | 0,414 |
| b) | - Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 7,232 | 8,386 | 7,618 | 7,986 |

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC VI**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2016  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 89 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017* |

**I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH**

**BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** |  | **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Tỷ lệ sovới KH** | **Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước** |
| 1 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm |  | ***17961,5 ha*** | ***17961,5 ha*** | 100% | 100% |
|
| 2 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu |  | ha | Ha | .... % | .... % |
| 3 | Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu | *(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)* | | | | |
| 4 | Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm |  | Tr.đồng | Tr.đồng | % | % |
| 5 | Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm |  | ***3592,3 triệu đồng*** | ***3592,3 triệu đồng*** | 100% | 100% |
|

**II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, xây dựng rừng, tăng độ che phủ của rừng.

- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ một số loài cây quý, hiếm nguy cấp, các loài động vật quý hiếm, góp phần bảo vệ đầu nguồn sông Ngàn Phố.

- Duy trì nguồn tài nguyên rừng, điều hòa khí hậu, ứng phó biến đổi khí hậu và tạo ra môi trường cảnh quan sạch đẹp.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

- Hàng năm tạo đủ việc làm, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty và hơn 100 lao động địa phương.

- Thông qua giao khoán rừng và đất rừng và các giải pháp khác sẽ giải quyết được mâu thuẫn về chia sẻ lợi ích từ rừng, qua đó việc quản lý và bảo vệ rừng bền vững hơn.

- Hoạt động của Công ty được ổn định, đời sống cán bộ công nhân viên, các hộ dân gần rừng có thêm việc làm đời sống được tăng lên. Góp phần ổn định kinh tế của khu vực.

- Tạo hệ thống rừng che chắn trên khu vực hành lang biên giới Việt - Lào góp phần củng cố an ninh quốc phòng.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

5. Quan hệ tốt với người lao động. Hàng năm ký Thỏa ước lao động tập thể, bảo đảm quyền lợi, chế độ đầy đủ cho người lao động: Lương, thưởng, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ ốm đau, thai sản…

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2016. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC VIII**

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 91 /BC-H.SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2017* |

*(Báo cáo đã được Hội đồng thành viên thông qua tại Văn bản số 15/HĐTV-H.SƠN ngày 02/8/2016)*

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

**1. Hội đồng thành viên**

**BIỂU SỐ 1**

**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Chức danh** | | **Phân loại thành viên** | **Trình độ chuyên môn** | **Kinh nghiệm nghề nghiệp** | **Các vị trí đã nắm giữ** | **Công việc quản lý được giao** |
| **Chức danh tại doanh nghiệp** | **Chức danh tại công ty khác *(nếu có)*** |
| **I. HĐTV** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Lê Tiến Cát | 1965 | P.Giám đốc |  | Thành viên | Kỹ sư lâm nghiệp | Làm việc từ năm 1985 | - Phó phòng TCHC  - Trưởng phòng TCHC | Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐTV; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty |
| 2 | Phạm Nguyễn Bính | 1976 | Phó Giám đốc |  | Thành viên | Thạc sỹ lâm nghiệp | Làm việc từ năm 1999 | - Phó phòng lâm nghiệp  - Trưởng phòng lâm nghiệp | Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỷ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan |
| 3 | Trần Thị Thanh Sơn | 1963 | Kế toán trưởng |  | Thành viên | Kỹ sư | Làm việc từ năm 1982 | - Kế toán tổng hợp  - Phó phòng Kinh tế tài chính  - Trưởng phòng KTTC | Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản.. |
| **II. GĐ** | Chưa có GĐ công ty |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III. PGĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Lê Tiến Cát | 1965 | P.Giám đốc |  | Thành viên | Kỹ sư lâm nghiệp | Làm việc từ năm 1985 | - Phó phòng TCHC  - Trưởng phòng TCHC | Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐTV; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty |
| 2 | Phạm Nguyễn Bính | 1976 | Phó Giám đốc |  | Thành viên | Thạc sỹ lâm nghiệp | Làm việc từ năm 1999 | - Phó phòng lâm nghiệp  - Trưởng phòng lâm nghiệp | Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỷ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan |
| **IV. Kế toán trưởng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trần Thị Thanh Sơn | 1963 | Kế toán trưởng |  | Thành viên | Kỹ sư | Làm việc từ năm 1982 | - Kế toán tổng hợp  - Phó phòng KTTC  - Trưởng phòng KTTC | Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản.. |

**2. Kiểm soát viên**

Hiện nay, Công ty còn thiếu chức danh này

**3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng**

Tiền lương, thù lao của Hội đồng thành viên, kế toán trưởng, kiểm soát viên căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và được chủ sở hữu phê duyệt.

**II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

**BIỂU SỐ 2**

**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP***(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số Quyết định** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 1 | 388/NĐ-CP | 11/5/1993 | Thành lập doanh nghiệp Nhà nước |
| 2 | 504/QĐ-UBND | 09/05/1998 | Lâm trường Hương Sơn được đổi thành Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn nhằm phù hợp với cơ chế thị trường và mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh |
| 3 | 544/2008/QĐ-UBND | 15/3/2008 | Về việc thực hiện chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn thành Công ty TNHH một thành viên |
| 4 | 3398/QĐ-UBND | 27/11/2008 | V/v phê duyệt quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên LN&DV Hương Sơn. |
| 5 | 3988/QĐ-UBND | 27/12/2012 | Về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu DNNN Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn giai đoạn 2012-2015, định hướng đến 2020 |
| 6 | 3940/QĐ-UBND | 12/12/2014 | V/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm khảo sát, Dự án trang trại chăn nuôi lợn nái 100% máu ngoại tại thôn Khe Dầu, xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn. |
| 7 | 1912/QĐ-UBND | 12/7/2016 | Về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn |
| 8 | 849/QĐ-SNN | 14/9/2016 | Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Công ty TNHH một thành viên LN&DV Hương Sơn, giai đoạn 2016-2050. |
| 9 | 3475/QĐ-UBND | 01/12/2016 | V/v phê duyệt Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH một thành viên LN&DV Hương sơn |

**III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:**

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên:

**BIỂU SỐ 2: THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐTV** | **Chức vụ** | **Số buổi họp tham dự** | **Số buổi hợp không tham dự** | **Lý do không tham dự** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Lê Tiến Cát | Thành viên | 6 | 0 |  | 100% |
| 2 | Phạm Nguyễn Bính | Thành viên | 6 | 0 |  | 100% |
| 3 | Trần Thị Thanh Sơn | Thành viên | 6 | 0 |  | 100% |

2. Hoạt động giám sát của HĐTV đối với Giám đốc:

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên:

**BIỂU SỐ 3: THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số Nghị quyết/ Quyết định** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 1 | 04/QĐ-HĐTV | 02/04/2014 | Về việc triển khai nhiệm vụ đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2012-2015 định hướng đến 2020 |
| 2 | 131/ QĐ-HĐTV | 05/12/2014 | V/v thành lập ban dự án đầu tư trang trại chăn nuôi lợn nái 100% máu ngoại |
| 3 | 06/QĐ-HĐTV | 09/01/2015 | Về việc giao nhiệm vụ xây dựng phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2015-2020 |
| 4 | 09/NQ-HĐTV | 20/01/2015 | Về việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty |
| 5 | 107/QĐ-HĐTV | 02/08/2016 | Về việc triển khai thực hiện theo đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. |
| 6 | 118/QĐ-HĐTV | 06/9/2016 | Về việc thành lập Trại chăn nuôi lớn nái siêu nạc Rào mắc |
| 7 | 162/NQ-HĐTV | 27/12/2016 | Về việc Vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh từ CBCNV công ty và cá nhân bên ngoài. |

**IV. Hoạt động Kiểm soát viên của doanh nghiệp: Hiện nay Công ty chưa có Kiểm soát viên.**

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên

2. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

**BIỂU SỐ 4: THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số Báo cáo** | **Ngày** | **Nội dung** |
|  | Chưa có Kiểm soát viên |  |  |

Trên đây là báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2016. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |

**PHỤ LỤC IX**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 26 tháng 4 năm 2017* |

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ: Mẫu biểu số B 01a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ: Mẫu biểu số B 02a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu biểu số B 03a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính.

- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc: Mẫu biểu số B 09a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính.

**(Biểu báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của doanh nghiệp năm 2016 có phụ lục biểu kèm theo)**

**PHỤ LỤC X**

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 92 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2017* |

**1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp**

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động: Trả lương theo thời gian và lương khoán.

+) Lương theo thời gian: Căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng, mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương theo quy chế trả lương hiện hành của Công ty.

+) Lương khoán: Căn cứ khối lượng sản phẩm hoàn thành, có biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Được tính theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: Căn cứ kế hoạch của nhà nước giao, Công ty xây dựng dự toán quỹ tiền lương chi trả cho người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ theo Nghị định 51/NĐ-CP để chi trả.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Hằng năm trả hết tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty, nếu còn thừa thì trả thêm lần nữa và trích một khoản để chi thưởng cho người lao động.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ nguồn thu từ dịch vụ công hàng năm để xây dựng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tỷ lệ phần trăm được hưởng.

**2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp**

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2016** | | **Năm 2017** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** |
| -1 | -2 | -3 | -4 | -5 | -6 |
| **I** | **HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP** |  | I | I | II |
| **II** | **TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG** |  |  |  |  |
| 1 | Lao động | Người | 150 | 138 | 140 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | 1.000 đ/tháng | 4.500 | 4.779 | 5.000 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 8.200 | 7.913 | 8.400 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng |  |  |  |
| 5 | Thu nhập bình quân | 1.000 đ/tháng | 4.500 | 4.779 | 5.000 |
| **III** | **TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP** |  |  |  |  |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 4 | 3 | 4 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệuđồng/tháng |  |  |  |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 377,6 | 295 | 414 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệuđồng/tháng | 7,8 | 8,2 | 8,6 |
| 5 | Qũy tiền thưởng |  |  |  |  |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng |  |  |  |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệuđồng/tháng | 7,8 | 8,2 | 8,6 |

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: Công ty đang chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích nên thu nhập còn thấp, quỹ tiền lương, tiền thưởng thấp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chế độ tiền lương, thưởng của doanh nghiệpnăm 2016. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **P.GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |